

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 8 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Nguyễn Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Lê Kim X, sinh năm 1993

Cư trú tại: Ấp Q, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp LT, thị trấn P, huyện L, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Đoàn Minh L, sinh năm 1993

Cư trú tại: Ấp Q, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Lê Kim X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Minh L do mai mối và tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, chị không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến thường xuyên cự cãi. Hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống hôn nhân mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh L đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Minh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Đoàn Lê Kim N (giới tính: nữ), sinh ngày 29/6/2015; Đoàn Lê Kim A (giới tính: nữ), sinh ngày 16/8/2018 và Đoàn Lê Kim D (giới tính: nữ), sinh ngày 26/9/2020. Hiện các con đang sống với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng pháp luật quy định.

Về tài sản chung:

- Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là số tiền 100.000.000đ. Số tiền này trước đây vợ chồng nhận cổ đất của ông Lê Chót T; hiện ông T đã chuộc lại đất và đã trả đủ tiền, số tiền này hiện anh L đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi số tiền này.

- Trong thời gian từ tháng 10/2021 vợ chồng có đầu tư nuôi lợn tại nhà, số tiền vốn bỏ ra là 50.000.000đ. Hiện anh L đã thu hoạch, còn số tiền sau khi tính toán các khoản chi phí còn lại bao nhiêu thì chị không biết, do anh L là người quản lý. Phần tài sản này chị thống nhất không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Minh L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phan Lê Kim X về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị X không chung thủy, có quan hệ ngoại tình, anh đã

nhắc nhở nhưng chị X không thay đổi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hiện anh và chị X đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Phan Lê Kim X.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đoàn Lê Kim N, Đoàn Lê Kim A, Đoàn Lê Kim D. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Đoàn Lê Kim A (giới tính: nữ), sinh ngày 16/8/2018. Anh đồng ý giao 02 con là Đoàn Lê Kim N và Đoàn Lê Kim D cho chị X nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là số tiền 100.000.000đ, hiện anh đang quản lý. Còn số tiền đầu tư nuôi lợn thì sau khi thu hoạch đã thanh toán chi phí hết, hiện không còn khoản nào. Do chị X không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống nên anh không đồng ý chia phần tiền 100.000.000đ theo yêu cầu của chị X.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phan Lê Kim X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đoàn Minh L đồng ý chia đôi số tiền 100.000.000đ nhưng anh L cho rằng hiện anh không còn đủ tiền để đưa cho chị X nên yêu cầu được trả dần; các vấn đề khác anh vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Chị Phan Lê Kim X và anh Đoàn Minh L tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, ghi lời khai của đương sự theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Tòa án đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thông báo thời gian xét xử theo đúng quy định. Tại phiên

tòa, Kiểm sát viên vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Lê Kim X và anh Đoàn Minh L tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Chị X và anh L trình bày thống nhất do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị X không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với nhau được nữa. Căn cứ lời trình bày của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ; qua kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa X và anh L thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hiện tại tình nghĩa vợ chồng không còn, người nào chỉ biết bỏn phận của người đó, chị Xuyến đã về nhà mẹ ruột sống, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, cho thấy đời sống chung của chị X và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị X và anh L thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị X và anh L có 03 con chung là trẻ Đoàn Lê Kim N (giới tính: nữ), sinh ngày 29/6/2015; trẻ Đoàn Lê Kim A (giới tính: nữ), sinh ngày 16/8/2018 và trẻ Đoàn Lê Kim D (giới tính: nữ), sinh ngày 26/9/2020. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi cả 03 con chung; anh L đồng ý giao 02 con chung là trẻ Đoàn Lê Kim N và trẻ Đoàn Lê Kim D cho chị X nuôi dưỡng; anh L yêu cầu được nuôi trẻ Đoàn Lê Kim A. Đối với trẻ Đoàn Lê Kim N đến thời điểm xét xử đã trên 07 tuổi, trẻ Đoàn Lê Kim D chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo kết quả ghi nhận ý kiến, trẻ Đoàn Lê Kim N có nguyện vọng được sống chung với chị X.

Xét thấy, sau khi kết hôn anh L và chị X sống chung bên gia đình chồng. Trong thời gian chung sống chị X sinh được 03 con chung, sau khi sinh con thì vẫn chung sống bên gia đình chồng, các con do anh chị và ông bà nội của trẻ cùng nhau chăm sóc; trong thời gian này đã phát sinh tình cảm gắn bó giữa các thành viên trong gia đình. Sau khi phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, đến đầu năm 2022 chị X cùng các con đã về bên nhà mẹ ruột sống. Do chị X và anh L không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi cả 03 con chung nên Tòa án sẽ quyết định việc giao con cho chị X hoặc anh L nuôi nhưng vẫn đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho trẻ. Xét về điều kiện kinh tế: Theo lời thừa nhận của các bên, công việc hiện tại của anh L là làm ruộng, trồng nấm rơm và đi cắt lúa thuê bằng máy gặt đập liên hợp của gia đình; thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ. Còn công việc của chị X là làm công nhân cho một công ty ở gần nhà mẹ ruột, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đ. Như vậy, cả chị X và anh L đều đủ điều kiện về kinh tế đảm bảo cho việc nuôi con. Tuy nhiên, thu nhập thực tế của chị X có phần ít hơn anh L nhưng chị X có yêu cầu nuôi cả 03 con chung, nếu giao cả 03 con chung cho chị X nuôi thì sẽ khó khăn trong việc chi phí về ăn, ở, mặc, học và các khoản chi phí cần thiết khác để nuôi dưỡng các con. Hơn nữa, chị X hiện đang làm công nhân cũng ít có thời gian chăm sóc con, khi đi làm thì chị X gửi con cho mẹ ruột giữ hộ. Vì vậy, để giảm bớt gánh nặng cho chị X trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và để anh L có điều kiện chia sẻ gánh nặng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nuôi dưỡng các con; đồng thời để các trẻ sau này còn có điều kiện qua lại gắn kết tình cảm gia đình với cha mẹ và ông bà hai bên; mặt khác, để đảm bảo lợi ích và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung là trẻ Đoàn Lê Kim N và Đoàn Lê Kim D cho chị X nuôi dưỡng; giao trẻ Đoàn Lê Kim A cho anh L nuôi dưỡng. Chị X và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị X có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh L không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị X. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng cấp dưỡng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị X và anh L không thỏa thuận được mức

cấp dưỡng, chị X yêu cầu anh L cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng pháp luật quy định. Xét về, khả năng và thu nhập thực tế của anh L như nhận định nêu trên là đảm bảo cho việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 trẻ là Đoàn Lê Kim N và Đoàn Lê Kim D với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (hiện nay là 1.490.000đ), như vậy số tiền cấp dưỡng cho mỗi trẻ là 745.000đ/tháng ($1.490.000đ : 2 = 745.000đ$). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02/8/2022 đến khi trẻ đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4]. Về tài sản chung: Chị X và anh L trình bày thống nhất có tài sản chung là số tiền 100.000.000đ, hiện anh L đang quản lý. Khi ly hôn chị X yêu cầu chia đôi số tài sản chung này. Tại phiên tòa, anh L đồng ý chia đôi số tiền 100.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên. Chia cho chị X được quyền sở hữu số tiền 50.000.000đ, anh L được sở hữu số tiền 50.000.000đ. Buộc anh L có trách nhiệm phải giao trả cho chị X số tiền 50.000.000đ.

[5]. Về nợ chung: Chị X và anh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Lê Kim X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng và phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 232, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Lê Kim X và anh Đoàn Minh L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Đoàn Lê Kim N (giới tính: nữ), sinh ngày 29/6/2015 và trẻ Đoàn Lê Kim D (giới tính: nữ), sinh ngày 26/9/2020 cho chị Phan Lê Kim X được quyền nuôi dưỡng. Giao con chung là trẻ Đoàn Lê Kim A (giới tính: nữ), sinh ngày 16/8/2018 cho anh Đoàn Minh L được quyền nuôi dưỡng. Chị Phan Lê Kim X và anh Đoàn Minh L có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Đoàn Minh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Đoàn Lê Kim N và trẻ Đoàn Lê Kim D mỗi trẻ là 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 02/8/2022 cho đến khi 02 trẻ đủ 18 tuổi.

4. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

5. Về tài sản chung: Anh Đoàn Minh L đang quản lý số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Chia cho chị Phan Lê Kim X được quyền sở hữu số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Anh Đoàn Minh L được quyền sở hữu số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Buộc anh Đoàn Minh L phải giao trả cho chị Phan Lê Kim X số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

6. Về nợ chung: Chị Phan Lê Kim X và anh Đoàn Minh L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

7. Về án phí: Chị Phan Lê Kim X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Phan Lê Kim X đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006347 lập ngày 03/6/2022 và số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006397 lập ngày 24/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí; chị Phan Lê Kim X còn phải nộp thêm 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đoàn Minh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa